

Số: /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành cơ chế điều hòa về mức giá nước sạch của đơn vị cấp nước
cung cấp nước sạch đồng thời tại khu vực đô thị và nông thôn
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
140/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ
nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP; Nghị định
số 98/2019/NĐ-CP; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của
Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ban hành phương pháp định giá
chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 145/2025/TT-BTC hướng dẫn các nội dung đặc thù
khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà
nước định giá trong định giá nước sạch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày
tháng năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định ban hành cơ chế
điều hòa về mức giá nước sạch của đơn vị cấp nước cung cấp nước sạch đồng
thời tại khu vực đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định cơ chế điều hòa về mức giá nước sạch đối với
đơn vị cấp nước cung cấp nước sạch đồng thời tại khu vực đô thị và khu vực
nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là cơ chế điều hòa về
mức giá nước sạch).

2. Cơ chế điều hòa về mức giá nước sạch được thực hiện thông qua việc
xác định mức giá bán nước sạch bình quân chung trong phạm vi địa bàn cung
cấp nước của cùng một đơn vị cấp nước nhằm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước,
đơn vị cấp nước và người sử dụng nước; góp phần duy trì, mở rộng mạng lưới

cấp nước đến khu vực nông thôn, vùng khó khăn, khu vực có chi phí đầu tư và vận hành cao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị cấp nước thực hiện cung cấp nước sạch đồng thời tại khu vực đô thị và khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện cơ chế điều hòa về mức giá nước sạch

1. Việc điều hòa về mức giá nước sạch phải bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về giá, pháp luật về cấp nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện điều hòa về mức giá nước sạch trên cơ sở bù trừ nội bộ trong cùng đơn vị cấp nước giữa khu vực đô thị và nông thôn.

3. Mức giá nước sạch được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất, kinh doanh hợp lý, hợp lệ; bảo đảm khả năng thu hồi vốn đầu tư, chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp nước và có lợi nhuận phù hợp;

4. Đơn vị cấp nước được áp dụng cơ chế điều hòa giá nước sạch trong trường hợp:

a) Cung cấp nước sạch đồng thời tại khu vực đô thị và khu vực nông thôn;
b) Có hệ thống cấp nước liên thông hoặc có chung cơ cấu quản lý, vận hành, khai thác;

c) Việc áp dụng mức giá riêng cho từng khu vực dẫn đến chênh lệch lớn về giá nước sạch, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nước sạch của người dân khu vực nông thôn.

5. Cơ chế điều hòa giá nước sạch phải bảo đảm công khai, minh bạch; phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và lộ trình phát triển cấp nước sạch.

6. Không sử dụng cơ chế điều hòa giá nước sạch để bù đắp các khoản chi phí không hợp lý, không hợp lệ hoặc các khoản lỗ phát sinh do nguyên nhân chủ quan của đơn vị cấp nước.

Điều 4. Nội dung cơ chế điều hòa về mức giá nước sạch

1. Đơn vị cấp nước được xác định và đề xuất mức giá nước sạch bình quân chung cho toàn bộ phạm vi cấp nước thuộc đơn vị quản lý, bao gồm khu vực đô thị và khu vực nông thôn; phải nằm trong khung giá nước sạch do Bộ Tài chính công bố.

2. Mức giá nước sạch bình quân chung được xác định trên cơ sở:

a) Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch hợp lý, hợp lệ của toàn bộ hệ thống cấp nước;

b) Sản lượng nước thương phẩm dự kiến;

- c) Điều kiện cung cấp nước thực tế tại từng khu vực;
- d) Chính sách hỗ trợ phát triển cấp nước nông thôn và mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội.

3. Trường hợp chi phí cấp nước tại khu vực nông thôn cao hơn khu vực đô thị do đặc điểm địa hình, mật độ dân cư thấp, khoảng cách truyền dẫn xa hoặc quy mô sử dụng nhỏ, đơn vị cấp nước được thực hiện bù trừ chi phí trong nội bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch giữa các khu vực phục vụ.

4. Việc điều hòa giá nước sạch không làm thay đổi đối tượng áp dụng giá nước sạch theo mục đích sử dụng nước theo quy định hiện hành.

Điều 5. Phương pháp xác định mức giá nước sạch trong cơ chế điều hòa

1. Cơ quan thẩm định phương án giá nước sạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá nước sạch do đơn vị cấp nước lập.

2. Phương án giá nước sạch phải thể hiện:

- a) Chi phí sản xuất nước sạch theo từng khu vực;
- b) Chi phí chung toàn hệ thống;
- c) Mức chênh lệch chi phí giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn;
- d) Phương án điều hòa, bù trừ chi phí;
- đ) Tác động của phương án giá đối với người sử dụng nước và hoạt động của đơn vị cấp nước.

3. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Cơ quan thẩm định phương án giá nước sạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức giá nước sạch theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Xây dựng phương án giá nước sạch bảo đảm đúng quy định pháp luật, phản ánh trung thực, đầy đủ chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch.

2. Thực hiện hạch toán đầy đủ doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động cấp nước; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu phục vụ xây dựng phương án giá.

3. Thực hiện công khai mức giá nước sạch sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

4. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; giảm tỷ lệ thất thoát nước; tiết kiệm chi phí nhằm ổn định giá nước sạch.

5. Định kỳ hằng năm hoặc khi có biến động lớn về chi phí sản xuất nước sạch, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá nước sạch theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Cơ quan thẩm định phương án giá nước sạch:

a) Chủ trì hướng dẫn, thẩm định phương án giá nước sạch theo cơ chế điều hòa; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá nước sạch theo quy định;

b) Chủ trì theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cơ chế điều hòa giá nước sạch trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì hướng dẫn việc thực hiện cơ chế điều hòa về mức giá nước sạch giữa khu vực đô thị và nông thôn theo quy định của pháp luật về giá và các quy định pháp luật có liên quan; phối hợp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cơ chế điều hòa giá nước sạch trên địa bàn tỉnh.

b) Tham gia ý kiến về cơ chế tài chính, nguyên tắc điều hòa doanh thu, chi phí và việc thực hiện chính sách giá nước sạch trong phương án giá nước sạch nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, đơn vị cấp nước và người sử dụng nước theo đề nghị của Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ thẩm định phương án nước sạch.

Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh – Truyền hình Ninh Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN